

Số: 03 /QĐ-THPTLL

Kon Tum, ngày 23 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách
quý IV năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 860/QĐ-SGDĐT, ngày 30/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ tình hình thu - chi ngân sách tại Trường THPT Lê Lợi;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán Trường THPT Lê Lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2023 của Trường THPT Lê Lợi (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể giáo viên, nhân viên Trường THPT Lê Lợi thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT, Phó HT (để theo dõi);
- Như điều 3 (để biết);
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Duyệt

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 23 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Lê Lợi công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2023, như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV, năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV, năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.010,20	10.010,20		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.851,05	9.851,05	100	0
-	Kinh phí chi thường xuyên theo cơ cấu lương	9.851,05	9.851,05	100	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	159,15	159,15	100	0
-	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách NĐ 81.	33,15	33,15	100	0
-	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách NĐ 116.	126,00	126,00		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV, năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Biểu số 7 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 422

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 23 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Lê Lợi công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2023, như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/ /năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.010,20	10.010,20		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.851,05	9.851,05	100	0
-	Kinh phí chi thường xuyên theo cơ cấu lương	9.851,05	9.851,05	100	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	159,15	159,15	100	0
-	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách NĐ 81.	33,15	33,15	100	0
-	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách NĐ 116.	126,00	126,00	100	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/ /năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Biểu mẫu 09

SỞ GD&ĐT KON TUM
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 - 2024

T T	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>- HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10.</p> <p>- Tham gia kì thi tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở GD&ĐT Kon Tum tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường.</p>	<p>- HS sinh sống trong độ tuổi THPT Theo quy định của điều lệ trường THCS - THPT công lập.</p> <p>- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.</p>	<p>- HS sinh sống trong độ tuổi THPT Theo quy định của điều lệ trường THCS - THPT công lập.</p> <p>- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.</p>
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	<p>- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Kon Tum</p>		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS HS trường, lớp họp 3 lần/học kỳ. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.</p> <p>- HS có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</p> <p>- Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết</p>		

		quá cao.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia hoạt động Đoàn viên, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, '26/3, 19/5...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hướng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đổng,..).
V	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 98,5%. - Duy trì sĩ số ổn định
		- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt 100%

Kon tum, ngày 15 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Ngọc Duyệt

SỞ GD ĐT KON TUM
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông
Học kỳ I, năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện	869	357	266	246
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	700	248	230	222
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	147	89	35	23
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	16	14	1	1
4	Yếu (Không đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	6	6	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	869	357	266	246
1	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	63	16	27	20
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	384	113	130	141
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	376	184	107	85
4	Yếu (không đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	46	44	2	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)				
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố				
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
VII	Số học sinh thi đạt điểm xét đại học (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	382/487	161/196	116/150	105/141
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	134	58	42	34

Kon tum, ngày 15 tháng 01 năm 2024



Biểu mẫu 11

SỞ GDĐT KON TUM TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, cơ năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	1.52m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	2	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	01	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	36/1	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9103.5 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	605m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ² /phòng	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	165 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	75 m ² /phòng	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	1	
2	Khối lớp 11	1	
3	Khối lớp 12	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Vi vi	27	
2	Cát xét	0	

3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1/1		0.05m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Kon Tum, ngày 15 tháng 01 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Duyệt

2	Thủ quỹ																	
3	Y tế	1	0	0	1	0	0											
4	Thư viện	1	0	0	1	0	0											
5	CNTT																	
6	Thí nghiệm, thiết bị	3	0	0	3	0	0											
7	Kế toán	1	0	0	1	0	0											
8	Phục vụ	1																
9	Bảo vệ	1																

Kon tum, ngày 15 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Ngọc Duyệt